TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày 22/8/2019
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Như Phượng
Các Thẩm phán: Ông Giáp Bá Dự và bà Nguyễn Thị Xuân Hương
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:*** Ông Lê Thế Nhơn-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2017/TLPT-DS ngày 13/10/2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1952
Địa chỉ: 658 Phạm Văn Đ, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Xuân N, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Lê Ngọc Đ, địa chỉ: Thôn 1, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ trình bày:* Anh và ông Nguyễn Văn S là chỗ quen biết thân thiết, ngày 13/12/2009 ông Nguyễn Văn S có đến nhà anh tại thôn 01, xã D, thành phố P vay của anh số tiền 400.000.000 đồng với mục đích là để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 0,09%/ngày, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 04 ngày. Khi vay, anh có viết giấy vay cho ông S ký vào. Đến thời hạn trả nợ ông S không trả tiền, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả cho anh số tiền 400.000.000 đồng cùng lãi suất theo mức 0,75%/tháng tính từ ngày 18/12/2009.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh Lê Ngọc Đ vì ông chưa bao giờ vay tiền của anh Đ. Giấy vay tiền ghi ngày 13/12/2009 có chữ ký của ông mà anh Đ xuất trình là giả mạo, ông không vay tiền của anh Đ, ông không ký vào giấy vay tiền mà anh Đ xuất trình.

Ông là người kinh doanh cà phê, ông thường cho bạn hàng vay tiền và chốt giá cà phê để đến vụ họ giao cà phê cho ông. Vợ chồng anh Lê Ngọc Đ và chị Phạm Thị Xuân N là người mà ông từng cưu mang vì chữ tín mà ông đã hứa với cha của anh Đ và dạy cho anh Đ nghề làm ăn trong lĩnh vực cà phê. Từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2009, anh Đ và vợ là Phạm Thị Xuân N có vay và ứng tiền của ông nhiều lần, cụ thể: Ngày 22/9/2009 anh Đ và chị N vay của ông 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng để thu mua cà phê và bán lại cho ông; tiếp đó các ngày 24/9/2009, ngày 01/10/2009 và ngày 18/10/2009 anh Đ có nhận của ông 72.300.000 đồng và chốt giá 15.000kg cà phê rô tươi hẹn thời điểm giao cà phê chậm nhất vào khoảng cuối tháng 11/2009 tại kho trữ cà phê của ông ở Ia Sao, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Quá thời hạn giao hàng anh Đ tránh ông, không giao cà phê và cũng không trả tiền. Khoảng tháng 8 năm 2010 ông đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P khởi tố anh Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Quá trình Công an làm việc với anh Đ theo đơn tố cáo của ông thì anh Đ xuất trình giấy ghi nội dung ông có vay tiền của anh Đ số tiền 400.000.000 đồng.

Ông thường giao nhận hàng và ký các hợp đồng mua bán, cắt giá cà phê tại nơi làm việc. Tay của ông bị cứng nên thỉnh thoảng trước khi ký vào các văn bản chính thức ông có ký nháp vào vở học sinh hoặc sổ ghi nhận hàng nên trong nhà ông có nhiều chữ ký nháp của ông. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/8/2009 đến ngày 03/9/2009 , cả gia đình ông có đi đám cưới con gái ở Vĩnh Long nên có nhờ Điệp trông nhà hộ. Anh Đ có thể đã lợi dụng việc trông hộ nhà trong thời gian này lấy một số giấy tờ ký nháp của ông để chèn nội dung không đúng sự thật là ông vay tiền của anh Đ. Vì về mặt hình thức tại giấy vay tiền mà anh Đ xuất trình cũng thể hiện sự vô lý, ghi sát lề trên của giấy cũng có thể là chữ ký nháp của ông được ký phía trên của khổ giấy học sinh nên Đ không thể viết đầy đủ nội dung mà buộc phải viết trên đầu khổ giấy để khớp với chữ ký có sẵn của ông.

Các hợp đồng kinh tế: Như hợp đồng quy định chất lượng giữa ông với Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai và hợp đồng bán cà phê của ông cho Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai mà anh Đ cung cấp cho Tòa án để làm mẫu so sánh giám định chữ ký là anh Đ lấy trộm của ông.

Ông bị cụt một bàn tay trái, không có giấy phép và không thể lái xe ô tô, không đếm tiền được. Hơn nữa tháng 12 là cao điểm của vụ mùa thu mua cà phê cho nên ông rất bận. Trong suốt thời gian này ông có mặt 24/24 tại Công ty và cũng là nơi gia đình ông sinh sống, do đó không có việc ông đến nhà anh Đ để vay tiền như anh Đ trình bày, sự việc này ông Hà Đình C là Giám đốc Chi nhánh của Công ty và ông Đỗ Văn D là thủ quỹ thuộc Công ty Cà phê tỉnh Gia Lai (hiện nay là Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai) đã xác nhận.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Xuân N ủy quyền cho anh Lê Ngọc Đ tham gia tố tụng:* Mọi ý kiến của anh Lê Ngọc Đ là ý kiến của chị Phạm Thị Xuân N.

** Lời khai của những người làm chứng là ông Hà Đình C và ông Đỗ Văn D thể hiện:* Họ đều biết anh Lê Ngọc Đ vì anh Đ thỉnh thoảng có đi xe máy chở một vài bao cà phê đến kho tại Ia Sao, huyện Ia Grai bán lại cho ông S; họ đều xác nhận anh Đ có trông nhà cho gia đình ông S khi gia đình ông S đi đám cưới con gái ở Vĩnh Long. Và trong thời gian ngày 13/12/2009 ông S có mặt tại kho (Thôn Ia Yok, Ia Sao, Ia Grai) 24/24 nên không có việc ông S đi ô tô đến nhà anh Đ để vay tiền.

Ngày 20/9/2010 ông Nguyễn Văn S có trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai. Tại bản kết luận giám định số 197/KLGĐ ngày 11/10/2010 kết luận không phải chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố P tiến hành trưng cầu giám định đối với giấy vay tiền nguyên đơn xuất trình các lần như sau:

Lần 1: Ông Nguyễn Văn S và ông Lê Ngọc Đ đều yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và ông Lê Ngọc Đ cũng có yêu cầu trưng cầu giám định. Ngày 26/7/2011 Tòa án nhân dân thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2011/QĐ-TCGĐ tới cơ quan chức năng là Viện khoa học hình sự Bộ Công an với nội dung giám định là giám định chữ ký, chữ viết có phải do một người ký ra hay không. Tại bản kết luận giám định số 220/C54-P5 ngày 09/9/2011 kết luận của giám định viện là chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Lần 2: Ngày 20/11/2011bị đơn là ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Ngày 16/12/2011 Tòa án nhân dân thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 06/2011/QĐ-TCGĐ tới cơ quan chức năng là Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát PCTP với nội dung là giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn S với các mẫu so sánh có phải do một người ký ra hay không. Tại bản kết luận giám định số 445/C54(P5) ngày 03/5/2012 kết luận của giám định viên là chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Lần 3: Ngày 06/8/2012 bị đơn là ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Ngày 13/8/2012 Tòa án nhân dân thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/2012/QĐ-TCGĐ tới cơ quan chức năng là Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng với nội dung là giám định nội dung tại giấy vay tiền có được viết ra cùng một thời điểm, cùng màu mực hay không. Tại bản kết luận giám định số 373/C54C ngày 20/9/2012 kết luận của giám định viên là không xác định được thời điểm viết và tuổi mực theo như yêu cầu trưng cầu giám định.

Lần 4: Ngày 10/12/2012 bị đơn là ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Ngày 18/01/2013 Tòa án nhân dân thành phố P có ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2013/QĐ-TCGĐ tới cơ quan chức năng là Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Cục điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng với nội dung giám định là chữ ký và chữ viết tại giấy vay nợ nói trên có được viết ra cùng một thời điểm , cùng màu mực và chữ ký có phải là chữ ký của ông Nguyễn Văn S hay không. Tại bản kết luận giám định số 33/KL-GĐKTHS ngày 25/4/2013 kết luận của giám định viên là chữ viết phần nội dung, chữ ký và chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Văn S" dưới mục "Người cam đoan có vay" có cùng màu mực; không đủ cơ sở kết luận chữ viết phần nội dung, chữ ký và chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Văn S" dưới mục "Người cam đoan có vay" có được viết và kỳ cùng thời điểm hay không; Chữ ký cần giám định ghi họ tên "Nguyễn Văn S" dưới mục "Người cam đoan có vay" với chữ ký mẫu so sánh ghi của Nguyễn Văn S trong các tài liệu được gửi giám định là không phải chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Lần 5: Qua các lần giám định, xét thấy kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng có sự khác nhau về cùng một nội dung giám định. Do đó, việc trưng cầu giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, ngày 08/8/2013 Tòa án nhân dân thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 07/2013/QĐ-TCGĐ tới cơ quan chức năng là Hội đồng giám định - Bộ Công an với nội dung giám định là chữ ký trên giấy vay tiền có phải là chữ ký của ông Nguyễn Văn S hay không. Tại bản kết luận giám định lại số 2125/C54-P5 ngày 02/01/2014 kết luận giám định của Hội đồng giám định là chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 25 khoản 1 Điều 33, 96, khoản 1 Điều 131, Điều 245 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải trả số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 21/216/DS-PT ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Ngọc Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự; Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Lê Ngọc Đ số tiền (nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 226.000.000 đồng). Tổng cộng 626.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Ngày 23/9/2016, Viện kiểm kiểm nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 45/2016/KN-DS kháng nghị giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm số 21/216/DS-PT ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai theo đơn đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm của bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Tại bản án giám đốc thẩm số 26/2017/DS-GĐT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 343; Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 21/216/DS-PT ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ và bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trong quá trình vay tiền, ông S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh nên anh đã làm đơn tố cáo ông S đến Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai trước khi ông S làm đơn tố cáo anh.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là anh Lê Ngọc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả cho anh số tiền 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền với nội dung: *"D: Ngày 13/12/2009. Chú S: Số CMT: 230215193: Có vay của cháu Đ: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng VN) – với lãi xuất 0,09%/1 ngày (tức: Chín phần vạn/1 ngày)."* Dưới mục: *"Người cam đoan có vay"* có chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn S. Anh Đ khai toàn bộ nội dung là do anh viết theo yêu cầu của ông S, chỉ có chữ ký là của ông S. Ông S trình bày: Ông không vay tiền của anh Đ và không ký vào giấy vay. Giấy vay mà anh Đ xuất trình để khởi kiện ông là giả mạo, có thể anh Đ đã lấy cắp giấy nháp có mẫu chữ ký của ông rồi điền nội dung vay tiền. Sỡ dĩ anh Đ có được tờ giấy có chữ ký của ông là vì ông bị cụt một tay nên muốn ký gì thường phải ký vào tờ giấy trước và trong khoảng thời gian từ ngày 28/8/2009 đến ngày 03/9/2009, cả gia đình ông có đi đám cưới con gái ở Vĩnh Long nên có nhờ anh Điệp trông nhà hộ. Anh Đ có thể đã lợi dụng việc trông hộ nhà trong thời gian này lấy một số giấy tờ ký nháp của ông để chèn nội dung không đúng sự thật là ông vay tiền của anh Đ. Theo kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ công an thì *"Giấy vay tiền được thực hiện không bình thường, chữ viết trên giấy vay tiền bị tô sửa, không bình thường"* (BL 215, 278).

Mặt khác, theo Công văn số 276/CVĐT ngày 17/3/2011 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P kết luận vợ chồng anh Đ vay và ứng của ông S 122.300.000 đồng, đến hạn không trả tiền cũng như giao cà phê nên ông S đã nhiều lần đi tìm, nhưng vợ chồng anh Đ lẩn tránh không trả tiền (BL 50) . Như vậy nếu có sự việc ông S vay anh Đ 400.000.000 đồng, số tiền lớn hơn 122.300.000 đồng anh Đ còn nợ ông S trước đó thì việc vợ chồng anh Đ lẩn tránh, để ông S nhiều lần đi tìm không được phải gửi Đơn tố cáo đến cơ quan công an là điều không phù hợp với thực tế. Ngoài ra, nếu có việc ngày 13/12/2009 ông S vay tiền anh Đ 400.000.000 đồng thì nội dung giấy vay không thể hiện khấu trừ 122.300.000 đồng anh Đ nợ ông S trước đó cũng là điều không bình thường.

Bên cạnh đó về nguồn gốc số tiền 400.000.000 đồng anh Đ và chị N khai không thống nhất, anh Đ khai *"Số tiền mà tôi cho ông (S) mượn là do vợ chồng tôi tích lũy từ năm 2009 mà có"*, chị N khai đây là tiền lời do mua bán cà phê và môi giới đất (BL: 406, 509). Anh Đ khai đêm trước ngày cho vay, anh có đếm tiền nhưng khi được hỏi về mệnh giá tiền thì anh khai chỉ nhớ có mệnh giá 10.000 đồng và 100.000 đồng, còn mệnh giá khác thì không nhớ (BL 399).

Ông S không có giấy phép lái xe ô tô và bàn tay trái của ông bị mất 04 ngón tay nên ông S không thể lái xe ô tô, không thể tự đếm tiền và theo các

nhân chứng là ông Hà Đình C, Đỗ Văn D (Tờ tường trình: BL 350; biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2015 (BL: 352 -354)) làm chứng cho việc ông S hôm đó đang ở Công ty làm việc nên việc anh Đ khai ngày 13/12/2009 ông S lái xe đến nhà anh Đ để vay tiền là bất bình thường.

[2] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/2017/DS-GĐT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm khi xét xử lại cần tổ chức đối chất giữa anh Đ, ông S về mục đích vay, cách thức giao nhận tiền, mệnh giá tiền, tổ chức đối chất giữa ông S, anh Đ, ông C về thời gian ông S đến nhà anh Đ vay tiền. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành đối chất nhưng không tiến hành được vì lý do ông S yêu cầu phải có chị N (vợ anh Đ) nhưng chị N vắng mặt, nên các bên đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và hòa giải nữa. Ngoài ra, các đương sự cũng không yêu cầu đối chất với ông C vì lý do ông C bị tai biến nằm một chỗ.

[3] Quá trình giải quyết án tại giai đoạn phúc thẩm anh Đ khai anh là người đi tố cáo ông S vay tiền anh không trả trước khi ông S đi tố cáo anh và có cung cấp chứng cứ là chín phiếu gửi bưu phẩm đề ngày 26/8/2010 gửi các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, tại Công văn số 276/CVĐT ngày 17/3/2011 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P thể hiện ngày 24/8/2010 Cơ quan cảnh sát điều tra nhận được đơn của ông S tố cáo anh Đ và vợ là chị N có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 122.300.000 đồng như vậy việc anh Đ khai anh là người đi tố cáo ông S vay tiền anh không trả trước khi ông S đi tố cáo anh là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ khai mục đích ông S vay của anh số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là để đáo hạn ngân hàng. Ông S trình bày: Ông là doanh nghiệp buôn bán cà phê nên phải vay ngân hàng thường xuyên, khi đến kỳ đáo hạn ngân hàng thì ông lấy tiền trong gia đình để đi đáo hạn ngân hàng chứ không vay bất cứ cá nhân nào. Vì gia đình ông kinh doanh cà phê nên luôn trữ một khoản tiền, các khoản tiền này có được từ việc bán cà phê hoặc tiền ứng cắt giá cà phê từ các doanh nghiệp. Chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Hợp đồng tín dụng số 45/09/CT/PGDBH ngày 21/9/2009 giữa bên vay là ông Nguyễn Văn S và bên cho vay là Phòng giao dịch Biển Hồ - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai thỏa thuận số tiền vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng (BL 108). Tại giấy nhận nợ số 01/45/09/CT/PGDBH ngày 21/9/2009 giữa ông S với Ngân hàng thể hiện khách hàng là ông Nguyễn Văn S vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), số tiền nhận nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), ngày rút vốn 21/01/2009 đến hạn 21/01/2010 (BL 103). Như vậy,

việc anh Đ khai ông S vay tiền của anh Đ để đáo hạn Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận. Vì theo giấy vay do anh Đ xuất trình thì thời gian trong giấy thể hiện ngày vay là ngày 13/12/2009, tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ thể hiện ngày ông S đến hạn trả nợ ngân hàng là ngày 21/01/2010. Ngoài ra tại giấy nhận nợ thể hiện, ông S chỉ nhận nợ ngân hàng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, việc anh Đ khai ông S vay anh Đ số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để đi đáo hạn Ngân hàng là không phù hợp với các chứng cứ trên.

Từ những phân tích trên thấy rằng , việc ông Nguyễn Văn S vay tiền của anh Lê Ngọc Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Do vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Ngọc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo Công văn số 94/CCTHADS ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P về việc phúc đáp công văn số 210/2017/CV-TA ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai liên quan đến khoản tiền theo Bản án phúc thẩm số 21/2016/DS-PT ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thì Chi cục thi hành án dân sự thành phố P đã hoàn trả cho anh Lê Ngọc Đ 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Nay, buộc anh Đ phải nộp 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lê Ngọc Đ không được chấp nhận nên anh Lê Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2015/DS-ST ngày 30/9/2015 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí:

- Buộc ông Lê Ngọc Điệp phải chịu 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Lê Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003056 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự, tỉnh Gia Lai. Anh Lê Ngọc Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng